

BÁO CÁO

**Về lòng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo
Nghị định quy định về thành lập hoặc tham gia thành lập hoặc tham gia
thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương
mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ**

Kính gửi: Chính phủ

I. BỐI CẢNH, YÊU CẦU

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo Nghị định quy định về thành lập hoặc tham gia thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

Trong thời gian qua Đảng và Nhà nước đã ban hành các chủ trương, đường lối, chính sách lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (ĐMST) thực sự là động lực cho đổi mới mô hình tăng trưởng, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trong đó, nhiều văn bản tập trung về việc hình thành, đầu tư, phát triển các doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ, nhanh chóng đưa kết quả nghiên cứu, công nghệ ra tới thị trường, cụ thể:

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đề ra chủ trương: “*Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ*”; “*Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm*”.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định: “*Cần có cách tiếp cận mở, sáng tạo, cho thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra, tạo mọi thuận lợi cho đổi mới sáng tạo*”; “*Xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo. Sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới*”.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề ra nhiệm vụ: “*phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ...*”; “*phát triển hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo...*”.

- Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã đề ra nhiệm vụ: “*Phát triển các trung tâm và mạng lưới đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo*”; “*khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước, các tập đoàn công nghiệp hàng đầu thành lập trung tâm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo*”; “*Phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học, công nghệ và hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, ngành, vùng gắn với các chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo*”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số quốc gia đã đặt ra nhiệm vụ “*Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định về khoa học, công nghệ, đầu tư công, mua sắm công,... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực*”, và nhiệm vụ, giải pháp: “*Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp. Có cơ chế cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu*”.

- Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 15/11/2023 của Bộ Chính trị khẳng định sự cần thiết của việc tạo hành lang pháp lý và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khoa học công nghệ trong phát triển nền kinh tế số và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và các văn bản hướng dẫn đã có

một số quy định liên quan hướng dẫn việc thành lập các tổ chức để thúc đẩy phát triển hoạt động thương mại hóa như: sàn giao dịch công nghệ; sàn giao dịch công nghệ quốc gia; trung tâm giao dịch công nghệ; Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ; Trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ; Trung tâm hỗ trợ ĐMST;...

- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 quy định về một số nội dung hỗ trợ liên quan, cụ thể: “Hỗ trợ ý tưởng công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hoạt động ứng dụng, đổi mới công nghệ, liên kết giữa tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất; chú trọng thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước...” (Khoản 4, Điều 3).

- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và các văn bản hướng dẫn đưa ra quy định các nội dung hỗ trợ đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo gồm: “Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật; hỗ trợ tham gia cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hướng dẫn thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới; Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; thu hút đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; Hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; Hỗ trợ thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng (Khoản 2, Điều 17).

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định: “Xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tăng cường tiềm lực của hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, vùng, địa phương để hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo”.

- Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 5 đã đề ra nhiệm vụ: “Công nhận, đăng ký các dịch vụ, sản phẩm, mô hình kinh doanh mới; thương mại hóa kết quả

nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước. Hình thành hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”.

Nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước đòi hỏi xây dựng Nghị định quy định về thành lập hoặc tham gia thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ (Nghị định) để đáp ứng “*yêu cầu cần có chủ trương, quyết sách mang tính chiến lược và cách mạng để tạo xung lực mới, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*”.¹

2. Yêu cầu về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định

Nhắc đến hoạt động thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thì hiển nhiên một trong các chủ thể rất quan trọng được hướng tới chính là cá nhân thực hiện hoạt động này. Khi đưa ra bất kỳ biện pháp quản lý hay các chính sách cụ thể trong việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi, kết quả của cá nhân tham gia thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ nói riêng và đến sự nghiệp phát triển chung của đất nước.

Theo đó, yêu cầu về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định nhằm hướng tới các mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu tổng quát

Việc lồng ghép vấn đề BDG trong dự thảo Nghị định nhằm bảo đảm BDG thực chất trong việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ của các cá nhân.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

- Việc đảm bảo nguyên tắc BDG trong tổ chức thi hành các thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phải được cụ thể hóa và ghi nhận thành các quy định cụ thể; đồng thời đảm bảo tính thống nhất và tránh chồng chéo giữa các văn bản pháp quy phạm pháp luật.

- Bảo đảm các nguyên tắc cơ bản về BDG trong việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo quy định tại Điều 15, Điều 20 Luật Bình đẳng giới; các quy định phải bảo đảm nguyên tắc cơ bản về BDG theo quy định tại Điều 6 Luật Bình đẳng giới.

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 22/12/2024

Tại dự thảo Nghị định không trực tiếp quy định về các nguyên tắc bình đẳng giới; biện pháp để thúc đẩy bình đẳng giới nhưng xuyên suốt trong các quy định của Luật đã thể hiện nguyên tắc không phân biệt đối xử, bình đẳng giới, xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, phù hợp với đặc thù của mỗi giới; tạo cơ hội phát triển như nhau cho nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình; bảo đảm bình đẳng giới thực chất giữa nam và nữ.

3. Việc thực hiện trình tự, thủ tục lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong Dự thảo Nghị định

Việc lồng ghép vấn đề BDG trong Dự thảo Nghị định đã được thực hiện nghiêm túc theo đúng yêu cầu về nội dung và trình tự, thủ tục quy định tại Điều 15, Điều 21 Luật Bình đẳng giới và Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020), Điều 13 Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể:

3.1. Trong việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập: Trong thành phần Ban soạn thảo và Tổ biên tập dự án Nghị định đảm bảo có sự tham gia của các thành viên nữ và đại diện của các bộ, ngành có liên quan.

3.2. Rà soát, phân tích, đánh giá các quy định của dự thảo để phát hiện có/không có nội dung liên quan đến vấn đề về giới, BDG.

3.3. Xây dựng Báo cáo đánh giá tác động/Báo cáo lồng ghép vấn đề BDG khi xây dựng dự thảo Nghị định.

- Ở giai đoạn xây dựng dự thảo Nghị định, việc đánh giá tác động của chính sách thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015. Tác động của chính sách được đánh giá trên 5 nội dung, gồm: tác động về kinh tế, tác động về xã hội, tác động về giới (nếu có), tác động của thủ tục hành chính (nếu có) và tác động đối với hệ thống pháp luật. Cụ thể:

+ Xác định vấn đề bình đẳng giới (BDG) và các biện pháp giải quyết trong lĩnh vực mà dự thảo Nghị định điều chỉnh, trong đó xác định có hay không có vấn đề giới, phân tích các nguyên nhân, bất cập của vấn đề giới.

+ Đánh giá tác động kinh tế, xã hội, giới, tác động của thủ tục hành chính và tác động đối với hệ thống pháp luật của từng giải pháp chính sách giải quyết vấn đề bao gồm cả vấn đề về giới.

+ Dự báo tác động của các chính sách, quy định trong dự thảo Nghị định khi được ban hành đối với người dân, doanh nghiệp, nhà nước...; tổng hợp, so sánh kết quả đánh giá tác động của các chính sách, quy định trong dự

thảo Nghị định, đề xuất giải pháp tối ưu giải quyết vấn đề về giới.

+ Xác định cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách, cơ quan chịu trách nhiệm thi hành chính sách và nguồn lực đảm bảo thi hành chính sách, trong đó bao gồm các vấn đề giới trong phạm vi Nghị định hướng dẫn.

Kết quả rà soát và đánh giá cho thấy các quy định tại dự thảo không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do quy định chung đối với các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, áp dụng chung, không mang tính phân biệt riêng cho một chủ thể.

- Tại giai đoạn soạn thảo dự thảo Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục đánh giá việc lồng ghép vấn đề BDG thông qua đánh giá tình hình thi hành pháp luật liên quan đến cá nhân thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; rà soát, đánh giá các quy định liên quan trong khi thực hiện các hoạt động này cũng như đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Trên cơ sở các chính sách được Chính phủ thông qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã thực hiện việc quy phạm hóa các chính sách thành các điều khoản trong dự thảo Nghị định; trong đó, đối với chính sách, giải pháp mặc dù được xác định là các giải pháp không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới hay chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt nhưng khi quy định đều hướng tới nguyên tắc BDG, không phân biệt đối xử; có nghiên cứu lồng ghép một số chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới, cụ thể hóa và đảm bảo quyền con người theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013, trên cơ sở “các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới là một căn cứ quan trọng của việc rà soát để sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật” (Khoản 2, Điều 20 Luật Bình đẳng giới năm 2006); đảm bảo nguyên tắc “nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó” (Điều 5 Luật Bình đẳng giới). Tạo điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển và tham gia hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

3.4. Dự thảo Nghị định đã được gửi để xin ý kiến của tất cả các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật. Do đó, các quy định của dự thảo Nghị định đều được xem xét dưới các góc độ đa chiều, đảm bảo tránh việc phân biệt đối xử về giới.

3.5. Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến góp ý và ý kiến thẩm định về các vấn

đề liên quan đến BDG để hoàn thiện hồ sơ Dự thảo: Theo kết quả tổng hợp ý kiến góp ý, các cơ quan, tổ chức, cá nhân không có ý kiến cụ thể về nội dung nào liên quan đến vấn đề bình đẳng giới được nêu ra.

II. NỘI DUNG LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BDG TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Việc thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định dựa trên cơ sở pháp lý trong nước và Điều ước quốc tế về khoa học và công nghệ mà Việt Nam tham gia, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Hiến pháp 2013 đã khẳng định về việc công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng; Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới; Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người mẹ, trẻ em.

Trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, Hiến pháp quy định “*Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ*” và “*Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ*”²

Xuyên suốt các điều khoản của dự thảo Nghị định đều quy định thể hiện rõ quan điểm về bình đẳng giới như: mọi cá nhân, không phân biệt nam, nữ đều có cơ hội được tham gia mọi quá trình của hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

Thứ hai, Luật Bình đẳng giới quy định rõ mục tiêu bình đẳng giới là xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình; quy định các khái niệm về bình đẳng giới, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới, chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới.

Dự thảo Nghị định đã dành một Chương quy định viên chức tham gia góp vốn, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp. Các cá nhân này không phân biệt nam, nữ, đều có quyền và nghĩa vụ “theo quy định của pháp luật về viên chức, pháp luật doanh nghiệp và trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm

² Điều 62, Hiến pháp 2013

được xác định trong nội dung đề án thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp đã được phê duyệt” theo đúng tinh thần quy định tại Hiến pháp 2013.

Thứ ba, các điều ước quốc tế liên quan đến giới và bình đẳng giới mà Việt Nam đã là thành viên như: Công ước CEDAW (Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ), Công ước quốc tế về quyền trẻ em...

Thứ tư, từng bước xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đảm bảo đồng bộ với pháp luật về giới và bình đẳng giới với những yêu cầu như đã nêu.

Các quy định trong dự thảo Nghị định được đảm bảo, không có sự phân biệt đối xử giữa nam và nữ, các đối tượng yếu thế trong xã hội; tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mỗi cá nhân cho sự phát triển của gia đình, cộng đồng và thụ hưởng như nhau về tác động của Nghị định khi được ban hành.

Dự thảo Nghị định tạo điều kiện để các cá nhân (không phân biệt giới tính, độ tuổi, tôn giáo, dân tộc...) có quyền tham gia hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ góp phần tạo lập môi trường phát triển văn minh, hiện đại cho mỗi giới.

III. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO LUẬT KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Việc đánh giá tác động về giới trong dự thảo Nghị định tập trung vào cá nhân tham gia hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, cụ thể quy định về quyền, nghĩa vụ, thẩm quyền với cá nhân hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ tại cơ sở công lập.

Quá trình đánh giá vấn đề bình đẳng giới được thực hiện trên các nội dung: Xác định nội dung liên quan đến vấn đề bình đẳng giới hoặc vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới; Quy định các biện pháp cần thiết để thực hiện bình đẳng giới hoặc để giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới; dự báo tác động của các quy định đó đối với nam và nữ sau khi được ban hành. Trong trường hợp xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới trong phạm vi điều chỉnh của văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan soạn thảo có trách nhiệm dự kiến giao cấp có thẩm quyền hướng dẫn chi tiết và biện pháp để thực hiện bình đẳng giới hoặc để giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử khi Nghị định được ban hành.

Tuy nhiên, trong quá trình rà soát, đánh giá cho thấy các quy định tại dự thảo Nghị định là bình đẳng, không có sự phân biệt đối xử về giới; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, không phân biệt đối xử. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo nhận thấy không có các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề BĐG trong dự thảo Nghị định.

IV. KẾT LUẬN

Nghị định không có tác động về giới và đảm bảo các nguyên tắc, mục tiêu cơ bản của Luật Bình đẳng giới. Dự thảo Nghị định đang được thực hiện đúng tinh thần không phân biệt vị trí, vai trò, trách nhiệm của các giới khác nhau trong các hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

Trên đây là Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, KNDN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Hoàng Minh